

DOANH NGHIỆP TRUNG QUỐC "ĐI RA NGOÀI" TRONG TIẾN TRÌNH CHUYỂN ĐỔI PHƯƠNG THỨC PHÁT TRIỂN

TS. NGUYỄN XUÂN CƯỜNG
TS. NGUYỄN ĐÌNH LIÊM
Viện Nghiên cứu Trung Quốc

Hội nghị Trung ương 3 Đảng Cộng sản Trung Quốc khoá 11 năm 1978 đã đề ra quyết sách mang tính thời đại "Giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị, đoàn kết nhất trí hướng về phía trước"⁽¹⁾, chuyển trọng điểm công tác từ "lấy đấu tranh giai cấp là chính" sang "lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm", xác định con đường "cải cách mở cửa" của Trung Quốc. Tính đến trước Đại hội XVIII ĐCS Trung Quốc (11-2012), Trung Quốc đã 3 lần tiến hành chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế.

Lần thứ nhất (1978 - 1991), thực hiện *Cải cách thể chế kinh tế kế hoạch*, qua các bước đi như "khoán ruộng đất", "phát triển xí nghiệp hương trấn" ở nông thôn, mở rộng thí điểm quyền tự chủ kinh doanh của xí nghiệp quốc hữu ở thành phố, tiến hành mở cửa, xây dựng đặc khu kinh tế, xây dựng các loại thị trường, tạo ra bước đột phá quan trọng của công cuộc cải cách kinh tế dẫn dắt bởi thị trường, sửa đổi những khuyết điểm của thể chế kinh tế kế hoạch.

Lần thứ hai (1992 - 2000), *Quyết định về một số vấn đề xây dựng khung thể chế kinh tế thị trường XHCN*, tiếp tục đi sâu cải cách, đẩy mạnh mở cửa kinh tế song song với cải cách thể chế chính trị dưới tiền đề kiên trì mở rộng dân chủ XHCN, kiện toàn pháp chế XHCN, quản lý đất nước bằng pháp luật, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN. Đây được coi là cuộc giải phóng tư tưởng lần thứ hai, là mốc đặc biệt quan trọng trong tiến trình cải cách mở cửa ở Trung Quốc.

Lần thứ ba (2001 - 2011), nêu ra hàng loạt tư tưởng quan trọng hướng tới mục tiêu *xây dựng xã hội hài hoà XHCN, thực hiện quan điểm phát triển khoa học, thúc đẩy phát triển toàn diện bền vững kinh tế-xã hội trên cơ sở lấy dân sinh làm trọng điểm*; điều chỉnh lợi ích và cải cách dân sinh được xem là nội dung quan trọng của tiến trình phát triển mới từ "tam vị nhất thể" - gồm kinh tế, chính trị và văn hoá, sang "tứ vị nhất thể" - gồm kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội với quyết tâm tiến sâu vào cải cách.

Với ba giai đoạn chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế các thể hệ lãnh đạo Trung Quốc đã đưa đất nước Trung Hoa vượt lên mọi khó khăn, giành được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực, tạo nên sức mạnh tổng hợp quốc gia.

Hiện nay, thể hệ lãnh đạo thứ 5 ĐCS Trung Quốc đang tiếp tục thực hiện bước *chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế lần thứ tư*, nhằm hướng tới xử lý tốt mối quan hệ giữa *cải cách - phát triển - ổn định*; khẳng định cải cách thể chế kinh tế là trọng điểm của đi sâu cải cách toàn diện, trong đó quan hệ giữa Đảng và Nhà nước, Đảng và xã hội sẽ tiến triển theo chiều hướng cân bằng, xã hội pháp trị sẽ được thúc đẩy, dân chủ trong Đảng và dân chủ xã hội sẽ có bước phát triển, hài hòa xã hội được coi trọng, phối hợp phát triển giữa kinh tế và xã hội, thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền, giải quyết các vấn đề giữa nhà nước với thị trường, đất đai, doanh nghiệp nhà nước, tài chính, thuế... được coi trọng.

Có thể nhận thấy, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của ĐCS Trung Quốc - kinh tế, xã hội, con người, tại một đất nước với hơn 1,3 tỷ dân đã có nhiều thay đổi về chất. Kết quả ấy đã tạo nên những tác động sâu rộng đến từng lĩnh vực kinh tế, trong đó vấn đề “đi ra ngoài” là một trong những nội dung luôn được quan tâm đúng hướng và vị thế đã trở thành lĩnh vực có đóng góp to lớn trong quá trình cải cách mở cửa của Trung Quốc hơn 35 năm qua.

1. Tiến trình hoàn thiện chính sách thúc đẩy doanh nghiệp “đi ra ngoài”

“Đi ra ngoài” là thực hiện quan hệ kinh tế với nước ngoài của Trung Quốc bao

gồm 4 nội dung: Thương mại, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), viện trợ (ODA) và thầu khoán công trình (hợp đồng tổng thầu EPC). Những năm đầu của công cuộc cải cách mở cửa, Trung Quốc chỉ chú trọng “thu hút vào”, từ thập niên 90 của thế kỷ XX vấn đề “đi ra ngoài” - đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), của doanh nghiệp Trung Quốc bắt đầu được nhấn mạnh. Theo Giang Trạch Dân, Trung Quốc muốn phát triển, muốn tiến bộ, muốn giàu mạnh phải mở rộng cửa đối ngoại. Tại Đại hội XIV ĐCS Trung Quốc (năm 1992), Báo cáo chính trị nêu rõ: “Cần mở rộng hơn nữa mở cửa đối ngoại, lợi dụng nhiều hơn, tốt hơn tiền vốn, kỹ thuật, nguồn lực, kinh nghiệm quản lý của nước ngoài... tích cực mở rộng đầu tư của Trung Quốc ra nước ngoài và triển khai kinh doanh xuyên quốc gia...”⁽²⁾. Giang Trạch Dân cho rằng, Trung Quốc muốn xây dựng hiện đại hóa thì buộc phải bơi ra biển lớn của thị trường quốc tế. Cho dù năng lực chưa mạnh cũng phải cố bơi, và phải cố gắng bơi lên hàng đầu, nâng cao bản lĩnh đương đầu với sóng gió, phải tìm được vị trí phát triển có lợi trong tiến trình toàn cầu hóa kinh tế. Phát biểu của người đứng đầu Giang Trạch Dân thể hiện rõ quyết tâm cải cách thể chế kinh tế đối ngoại, cho thấy việc xác lập chiến lược “đi ra ngoài” là cần thiết và yêu cầu cấp bách của Trung Quốc.

Đại hội XV ĐCS Trung Quốc (năm 1997) đã chính thức đề xuất chiến lược “đi ra ngoài”, “khuyến khích đầu tư ra nước ngoài, có thể phát huy ưu thế so sánh của Trung Quốc, lợi dụng tốt hơn hai loại thị trường, hai loại nguồn lực trong và ngoài nước”. Từ đó “đi ra ngoài” trở thành chiến

ược phát triển của doanh nghiệp Trung Quốc, là một trong những biện pháp giúp Trung Quốc hòa mình vào biển lớn của thị trường thế giới. Năm 1997, Trung Quốc thực hiện văn kiện “Ý kiến về khuyến khích doanh nghiệp triển khai nghiệp vụ gia công, lắp ráp”, khuyến khích các doanh nghiệp ra nước ngoài phát triển, kinh doanh, thương mại gia công. Năm 1999, nhằm tăng tốc phát triển ngoại thương, điều chỉnh cơ cấu ngành nghề trong nước, chuyển dịch một số kỹ thuật và ngành nghề ra nước ngoài, Chính phủ Trung Quốc đề xuất chiến lược “đi ra ngoài” đối với các doanh nghiệp Trung Quốc, tức khuyến khích các doanh nghiệp đi ra nước ngoài đầu tư, mở rộng kinh doanh, triển khai cạnh tranh ở nước ngoài. Năm 2001, chủ trương chiến lược “đi ra ngoài” được đề xuất trong “*Cương yếu kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội quốc dân 5 năm lần thứ 10*”. Cương yếu quy hoạch nêu rõ: “Nhằm thích ứng với xu thế toàn cầu hóa kinh tế, nâng cao hơn nữa trình độ mở cửa đối ngoại, ‘phát triển hơn nữa thương mại xuất khẩu’... thực hiện chiến lược ‘đi ra ngoài’. Khuyến khích các doanh nghiệp có lợi thế so sánh ra nước ngoài đầu tư, triển khai thương mại gia công, hợp tác khai thác tài nguyên, tiến hành đầu tư quốc tế, mở rộng xuất khẩu lao động... xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách trợ giúp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp ra nước ngoài đầu tư phát triển”⁽³⁾.

Năm 2002, ĐCS Trung Quốc tiến hành Đại hội XVI. Đại hội chủ trương “kết hợp giữa ‘thu hút nguồn vào’ và ‘đi ra bên ngoài’, nâng cao toàn diện trình độ mở cửa đối ngoại... thực hiện chiến lược ‘đi ra ngoài’ là biện pháp quan trọng của mở cửa

đối ngoại giai đoạn mới⁽⁴⁾. Đại hội đã tuyên bố điều chỉnh phương thức phát triển, nhấn mạnh bước tăng trưởng tiếp theo của Trung Quốc là “con đường công nghiệp hoá kiểu mới”; coi “đi ra ngoài” là một trong bốn chiến lược lớn để phát triển đất nước trong thế kỷ XXI (ba chiến lược còn lại là: Thông tin hóa; đại khai phá miền Tây và đô thị hóa). Nói chuyện với lãnh đạo Trung ương, Giang Trạch Dân nhấn mạnh “Cần phải nỗ lực bồi dưỡng đào tạo các doanh nghiệp lớn và các công ty xuyên quốc gia có sức cạnh tranh quốc tế, tích cực tiến vào thị trường nước ngoài”⁽⁵⁾. Chiến lược “đi ra ngoài” của doanh nghiệp Trung Quốc đã kết thúc giai đoạn phát triển nhanh trong thế kỷ 20, bước sang thế kỷ 21 cần thiết phải có đột phá.

Đại hội XVII ĐCS Trung Quốc (năm 2007) nhấn mạnh, phải kết hợp giữa “thu hút vào” và “đi ra ngoài” nâng cao trình độ mở cửa đối ngoại của Trung Quốc. Phải coi “thu hút vào” và “đi ra ngoài” là hai bánh của chiếc xe đồng thời chuyển động. Đại hội nêu rõ: “Ủng hộ các doanh nghiệp nghiên cứu phát triển, sản xuất và tiêu thụ triển khai kinh doanh quốc tế hóa, đẩy nhanh xây dựng các công ty xuyên quốc gia của Trung Quốc và thương hiệu nổi tiếng quốc tế”⁽⁶⁾. Tháng 10 năm 2010 Hội nghị Trung ương 5 khóa XVII ĐCS Trung Quốc nhấn mạnh việc nâng cao trình độ sử dụng vốn đầu tư nước ngoài, đẩy nhanh thực thi chiến lược “đi ra ngoài” để “thu hút vào” trình độ cao và “đi ra ngoài” quy mô lớn là điểm then chốt trong mở cửa đối ngoại của Trung Quốc trong tương lai, giúp Trung Quốc tham gia vào cạnh tranh

và hợp tác kinh tế kỹ thuật trong phạm vi lớn hơn, ở nhiều lĩnh vực hơn và mức độ cao hơn.

Sự phát triển nhanh chóng của kinh tế Trung Quốc những năm đầu thế kỷ XXI, đặc biệt sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, từ năm 2003 - 2007, GDP Trung Quốc 5 năm liền đều tăng trưởng vượt 10%. Thành tựu đạt được ấy có sự đóng góp quan trọng của các doanh nghiệp Trung Quốc đang đầu tư ở nước ngoài, đặc biệt là các doanh nghiệp cỡ lớn như công ty Trung Tín, tổng công ty xuất nhập khẩu hóa công nghiệp, tập đoàn Trung Viễn, Haier, Huawei, Lenovo, TCL... đã tạo nên sự tương tác lớn đối với quá trình phát triển.

Đại hội XVIII ĐCS Trung Quốc (năm 2012) tiếp tục đề cao vai trò của chiến lược “đi ra ngoài”, tập trung cải cách thể chế phê duyệt đầu tư ra nước ngoài, giảm bớt trình tự phê chuẩn, nâng cao hiệu quả và mức độ minh bạch của việc phê chuẩn, mở rộng không gian hợp tác đầu tư, cải cách thể chế quản lý, cho phép tham gia vào thị trường, giám sát hài quan. Bên cạnh đó Chính phủ Trung Quốc còn đề ra nhiều cơ chế đảm bảo và khung chính sách có lợi giúp doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài thành công, vì việc “đi ra ngoài” của doanh nghiệp liên quan đến chính sách quản lý ngoại hối, chính sách ngành nghề, tín dụng, thuế của quốc gia. Với bước cải cách quan trọng này, Trung Quốc sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp vững bước đầu tư ra nước ngoài, mở rộng phương thức, nâng cao hiệu quả đầu tư có trọng điểm; phát triển hình thành hàng loạt các doanh nghiệp xuyên quốc gia và sản phẩm nổi tiếng có sức cạnh tranh quốc

tế; từng bước hình thành thể chế kinh tế mở có sự tương tác trong ngoài, cùng có lợi cùng thắng, an toàn và hiệu quả cao⁽⁷⁾.

2. Thực trạng “đi ra ngoài” của doanh nghiệp Trung Quốc

Sau giai đoạn cải cách thể chế kinh tế kế hoạch (1978 - 1990), đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc mới được nhấn mạnh. Với quyết tâm hướng các doanh nghiệp lớn tới thị trường nước ngoài, Nhà nước Trung Quốc đã nới lỏng dần việc hạn chế đầu tư ra nước ngoài, theo đó các doanh nghiệp, công ty được mở rộng từ các doanh nghiệp, công ty ngoại thương đến các doanh nghiệp, công ty công nghệ, thương mại, kỹ thuật..., từ các ngành ngoại thương, xuất khẩu sang các ngành công nghiệp, khai thác tài nguyên. Chỉ tính riêng năm 1992, Trung Quốc đã có 4.117 doanh nghiệp thực hiện đầu tư ra nước ngoài theo hình thức liên doanh, hợp tác, hoặc 100% vốn ở nước ngoài, phân bố tại hơn 120 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó châu Á chiếm đa phần. Đến năm 1999, nhiều doanh nghiệp Trung Quốc đã lọt vào top các doanh nghiệp hàng đầu thế giới. Theo bình chọn của tạp chí “Fobert” Mỹ công bố 500 doanh nghiệp hàng đầu thế giới, Trung Quốc đã có 5 doanh nghiệp.

Những năm đầu thế kỷ XXI, đầu tư ra nước ngoài, của Trung Quốc thực sự được thúc đẩy mạnh mẽ, có thể được xem là giai đoạn xuất quân của doanh nghiệp Trung Quốc với các loại hình và quy mô doanh nghiệp. Năm 2007, đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Trung Quốc đạt 26,51 tỷ USD,

với khoảng 7.000 doanh nghiệp, phân bố ở 73 nước và vùng lãnh thổ, lũy tiến có hơn 10.000 doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư ở nước ngoài với tổng số vốn đầu tư đạt 117,91 tỷ USD⁽⁸⁾. Nếu tính khoảng thời gian từ năm 2005 - 2010, đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc đạt 228,92 tỷ USD, tăng trưởng bình quân năm đạt 34,3%. Các lĩnh vực đầu tư không ngừng mở rộng, ngành gia công chế tạo chiếm 45,5%, còn lại là các ngành khác như khai khoáng, dịch vụ thương mại, tiền tệ, bán buôn, vận tải kho bãi, dệt may, giày da, thời trang, điện tử, thông tin, thiết bị cơ giới, giao thông, xây dựng, y dược.... Tuy nhiên, theo thời gian đầu tư của Trung Quốc ra nước ngoài từng bước có sự chuyển dịch từ thương mại dịch vụ và gia công chế tạo, chuyển sang các ngành nghề khai thác tài nguyên, năng lượng, giao thông kho vận, chế tạo, các ngành kỹ thuật cao mới. Năm 2011, đầu tư của Trung Quốc vào ngành dịch vụ tính lũy kế đạt 142,29 tỷ USD, chiếm 33,5%, các ngành tiền tệ đạt 67,39 tỷ USD, chiếm 15,9%, ngành khai thác quặng đạt 67 tỷ USD, chiếm 15,8%, ngành bán buôn đạt 49,09 tỷ USD, chiếm 11,6%⁽⁹⁾. Số nhân công thuê bản địa tăng từ 268.000 người năm 2006 lên 784.000 năm 2010⁽¹⁰⁾. Nếu như năm 1999 Trung Quốc chỉ có 5 doanh nghiệp đứng trong top 500 doanh nghiệp hàng đầu thế giới, thì đến năm 2007, tạp chí "Fobert" Mỹ công bố trong 500 doanh nghiệp mạnh toàn cầu, Trung Quốc đã chiếm tới 29 doanh nghiệp⁽¹¹⁾. Theo hãng tin CNBC vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các công ty Trung Quốc đã tăng từ 5,5 tỷ USD vào năm 2004 lên 81,61 tỷ

USD vào năm 2010. Báo cáo của Rhodium Group - một công ty nghiên cứu uy tín, có trụ sở tại New York cho biết, làn sóng đầu tư ra nước ngoài của các công ty Trung Quốc đang tăng đột biến và có thể lên 2.000 tỷ USD vào năm 2020. Trung Quốc dự kiến chi 560 tỷ USD để đầu tư ra nước ngoài trong vòng 5 năm tới⁽¹²⁾.

Năm 2012, Trung Quốc có 16.000 doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài, thành lập 22.000 chi nhánh ở 179 quốc gia và vùng lãnh thổ với tổng vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài đạt mức 87,8 tỷ USD, làm cho nước này trở thành 1 trong 3 nước có đầu tư ra nước ngoài lớn nhất thế giới. Lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp cũng được chú trọng. Trung Quốc đã hợp tác xây dựng nông trường, cơ sở sản xuất, tiêu thụ nông sản với Nga, Đông Nam Á, châu Phi, Trung Nam Mỹ.

Chủ thể đầu tư được mở rộng, trong đó các doanh nghiệp lớn nhà nước vẫn chiếm vị trí chủ đạo, tiếp đến là các doanh nghiệp quốc hữu của các địa phương và doanh nghiệp dân doanh. Với nguồn dự trữ ngoại tệ khổng lồ, Trung Quốc đã hỗ trợ các doanh nghiệp, lựa chọn bồi dưỡng một số doanh nghiệp lớn trở thành công ty xuyên quốc gia. Các doanh nghiệp địa phương của Trung Quốc đầu tư ra nước ngoài đạt 32,97 tỷ USD (năm 2009) - trong đó ba vị trí đầu tiên là các tỉnh Quảng Đông 3,633 tỷ USD, Sơn Đông 2,473 tỷ USD, Giang Tô 2,254 tỷ USD, đó là con số ấn tượng, nhưng chưa thấm vào đâu nếu so với các khoản đầu tư nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước và chính phủ Trung Quốc.

Phương thức đầu tư cũng đa dạng hóa, bao gồm mua bán sáp nhập, tham gia cổ phần, quỹ đầu tư. Việc mua lại và sáp nhập doanh nghiệp được các công ty Trung Quốc tiến hành từ thập kỷ 90 của thế kỷ XX. Năm 1992 các công ty Trung Quốc đã mua lại doanh nghiệp với giá trị là 1,05 tỷ USD, năm 1997 đạt 3,26 tỷ USD. Bước sang thế kỷ XXI, tốc độ mua lại các doanh nghiệp tăng nhanh. Năm 2005 đạt 3,65 tỷ USD, năm 2006 đã tăng lên 12,09 tỉ USD, năm 2008 đạt 37,94 tỷ USD, năm 2009 đạt 21,49 tỷ USD⁽¹³⁾. Năm 2010, các doanh nghiệp Trung Quốc thực hiện mua bán, sáp nhập 55 vụ với vốn đạt 29,419 tỷ USD, trong đó doanh nghiệp ngành khai thác tài nguyên chiếm tỷ lệ tương đối lớn; thứ đến là các ngành chế tạo, ngành sản xuất và cung ứng năng lượng, điện. Năm 2012 các doanh nghiệp Trung Quốc thực hiện 457 vụ mua lại và sáp nhập với tổng số vốn lên đến 43,4 tỷ USD. Tuy nhiên, tổng số vốn OFDI tích lũy của Trung Quốc vẫn còn nhỏ so với các nước khác. Tính đến cuối năm 2012 tổng vốn OFDI tích lũy của Trung Quốc ở mức 531,94 tỷ USD chỉ tương ứng với 10,2% của Mỹ, 29,4% của Anh và 34,4% của Đức, 35,5% của Pháp và 50,4% của Nhật⁽¹⁴⁾. Năm 2013, các doanh nghiệp Trung Quốc tiến hành mua lại và sáp nhập hơn 200 doanh nghiệp với tổng giá trị mua lại và sáp nhập đạt 51,5 tỷ USD⁽¹⁵⁾. Các công ty mua lại và sáp nhập chủ yếu thuộc lĩnh vực năng lượng, nguyên liệu hoặc công nghiệp. Đặc biệt, Trung Quốc đã mua lại cổ phần lớn ở châu Âu trên cơ sở có nhiều cơ hội đầu tư giá rẻ do khủng hoảng nợ công ở khu vực này mang lại.

Các vụ mua lại và sáp nhập trong lĩnh vực dầu khí của Trung Quốc cũng diễn ra ngày càng tăng. Do nhu cầu về năng lượng, đặc biệt là dầu khí, các doanh nghiệp Trung Quốc đã tỏa đi khắp các nơi trên thế giới để tiến hành khai thác, thu mua. Đặc biệt là mua lại các công ty dầu khí thông qua hoạt động M&A. Công ty dầu khí Trung Quốc Sinopec hay Tổng công ty dầu khí Quốc gia Trung Quốc (CNPC) đã dành hơn 32 tỉ USD cho các thương vụ mua lại và sáp nhập⁽¹⁶⁾. Nhiều công ty Trung Quốc thực hiện hoạt động mua bán và sáp nhập với những công ty ở Nam Mỹ như với tập đoàn Brazil Petrobras vào tháng 7 - 2005. Tập đoàn đến từ Brazil đã ký hợp đồng cung cấp cho Trung Quốc 12 triệu thùng dầu với giá 600 triệu USD. Trung Quốc hiện là nước đầu tư lớn nhất tại Sudan với tổng số vốn đầu tư khoảng 4 tỷ USD. Tại Angola, Trung Quốc đầu tư 2 tỷ để xây dựng các giàn khoan với công suất 10.000 thùng/ngày. Các công ty dầu khí Trung Quốc cũng đang thực hiện khoan thăm dò tại nhiều nước khác như Nigeria, Congo và Algeria. Bên cạnh châu Phi, Trung Quốc cũng đầu tư mạnh sang các nước láng giềng châu Á, trong đó có Trung Á, nhằm kiểm soát nguồn dầu mỏ và khí đốt ở khu vực này thông qua việc xây dựng đường ống dẫn dầu nối với Kazakhstan, Siberia. Tập đoàn Dầu khí Trung Quốc (PetroChina) thông báo đã chấp thuận mua 60% cổ phần hai dự án khu vực sông MacKay và khu vực Dover trị giá 1,7 tỷ USD từ Tập đoàn khai thác dầu cát Athabasca (AOSC) của Canada. Thương vụ này đánh dấu sự vươn xa của Trung

Quốc đối với việc khai thác dầu khí, tạo ra iên doanh khai thác dầu lớn nhất của Trung Quốc tại Canada. Tập đoàn CNPC và CNOOC đang tiến hành mua lại 84% vốn của một công ty Tây Ban Nha trong YPF và đang từng bước chiếm lĩnh tập toàn dầu lửa hàng đầu của Argentina, đó là bước tiến mới của các tập đoàn dầu khí Trung Quốc trong các thương vụ M&A toàn cầu⁽¹⁷⁾. Năm 2012, đánh dấu sự bùng nổ trong hoạt động M&A ra nước ngoài của các tập đoàn dầu khí Trung Quốc khi Tập đoàn Dầu khí Hải dương Trung Quốc CNOOC thực hiện thành công thương vụ mua lại Tập đoàn dầu khí Nexen của Canada với giá 15 tỉ USD⁽¹⁸⁾. Trung Quốc hiện đang là chủ nợ lớn nhất của Mỹ khi nắm giữ 1.317 tỷ USD cổ phiếu của chính phủ Mỹ - đạt mức kỷ lục từ trước đến nay.

Khu vực đầu tư được mở rộng. Năm 2011, đầu tư của Trung Quốc ra nước ngoài đạt 74,65 tỷ USD. Trong đó, sang EU đạt 7,561 tỷ USD, vào ASEAN đạt 1,905 tỷ USD, Úc đạt 3,165 tỷ USD, Mỹ đạt 1,811 tỷ USD, vào Nga đạt 716 triệu USD. Nếu tính theo khu vực các nước đang phát triển và các nước phát triển, tỷ lệ đầu tư của Trung Quốc vào các nước đang phát triển là 61,23 tỷ USD, chiếm 82%; vào các nước phát triển là 13,42 tỷ USD, chiếm 18% tổng đầu tư ra nước ngoài năm 2011 của Trung Quốc. Trung Quốc đã tích cực đầu tư vào các nước và khu vực bao gồm Mỹ, Nhật, Anh, Pháp, Hồng Kông. Tính lũy kế, tới năm 2011, Trung Quốc có 3.500 công ty đầu tư ra nước ngoài gây dựng 18.000 doanh nghiệp tại 177 nước và

vùng lãnh thổ, với tổng số vốn đầu tư đạt 424,78 tỷ USD, đứng thứ 13 trên thế giới về đầu tư ra nước ngoài⁽¹⁹⁾. Riêng châu Á, đầu tư của Trung Quốc chiếm 71,4% tổng đầu tư ra nước ngoài, với số vốn lũy kế đạt 303,43 tỷ USD, tập trung chủ yếu vào Hồng Kông, Singapo, Ma Cao, Myanmar, Pakistan, Mông Cổ, Campuchia, Indonexia, Hàn Quốc, Nhật Bản... Tại Hồng Kông, tới năm 2011 đầu tư của Trung Quốc vào lãnh thổ này lũy kế đạt 261,519 tỷ USD, chiếm 61,6% tổng đầu tư châu Á của Trung Quốc⁽²⁰⁾. Năm 2013, đầu tư của Trung Quốc ra nước ngoài đối với Nga, Mỹ, Úc đạt lần lượt là: với Nga 4,08 tỷ USD; Mỹ 4,23 tỷ USD; Úc 3,94 tỷ USD. Trong chuyến thăm Trung Á gần đây, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đã đảm bảo sẽ cho vay 56 tỷ USD để thúc đẩy việc xây dựng đường ống và phát triển khai thác khí đốt⁽²¹⁾.

Tại khu vực Đông Nam Á, Trung Quốc đẩy mạnh quan hệ và phát huy ảnh hưởng tới khu vực Đông Nam Á, chủ động đề xuất và tích cực thúc đẩy xây dựng Khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN, tham gia các cơ chế với ASEAN như Trung Quốc-ASEAN (10+1), (10+3); tham gia Diễn đàn an ninh khu vực ARF; đề xuất mô hình hợp tác đa phương "một trục hai cánh" qua "hợp tác Vịnh Bắc Bộ mở rộng", kết hợp với "hai hành lang, một vành đai" song phương với Việt Nam. Năm 2013 Tập Cận Bình, Lý Khắc Cường, Vương Nghị dồn dập các chuyến thăm tới các nước Đông Nam Á, đưa ra các chủ trương như "Con đường tơ lụa trên

biển thế kỷ 21”, thành lập “Ngân hàng phát triển cơ sở hạ tầng châu Á (AIIB)”, đưa ra thuyết “Cùng chung vận mệnh”, “nâng cấp Khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN (CAFTA), đẩy mạnh Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện Khu vực (RCEP)... Cùng với các hoạt động ngoại giao, đầu tư trực tiếp của Trung Quốc sang các nước ASEAN 10 năm gần đây đã tăng mạnh (từ 33 tỉ USD lên 100,7 tỉ USD vào cuối năm 2012). Trong 5 tháng đầu năm 2014, đầu tư của Trung Quốc vào ASEAN đã đạt 1,9 tỉ USD, tăng 4,2% so với cùng kỳ⁽²²⁾.

Đầu tư của Trung Quốc vào châu Phi đặc biệt tăng mạnh. Theo Tân Hoa xã Trung Quốc đã tăng cường ảnh hưởng của mình ở châu Phi trong 10 năm qua. Chẳng hạn năm 2012 đầu tư ra nước ngoài nói chung của Trung Quốc đạt 120 tỉ USD, trong đó gần một nửa đã trút vào châu Phi, ba nước được nhà đầu tư Trung Quốc quan tâm nhất là Nigeria, Algeri, Nam Phi. Tổng cộng từ năm 2005 đến năm 2012 Trung Quốc đã đầu tư vào châu lục này 108 tỉ USD, trong đó hơn 34 tỉ được dành cho ngành vận tải, 31 tỉ hướng tới công nghiệp khai thác dầu khí, còn lại là các lĩnh vực xây dựng, khai thác quặng mỏ. Gần đây nhất, trong chuyến thăm bốn nước châu Phi: Ethiopia, Nigeria, Angola và Kenya của Thủ tướng Lý Khắc Cường (tháng 5 - 2014), Trung Quốc đã công bố viện trợ bổ sung ít nhất 12 tỉ USD cho châu Phi⁽²³⁾. Bên cạnh đó, ngân hàng Xuất - nhập khẩu Trung Quốc dự đoán rằng tổng đầu tư của Trung

Quốc tại châu Phi sẽ đạt mức 1.000 tỉ USD trong giai đoạn 2014 - 2015. Tại Hội nghị đầu tư châu Phi ở Hồng Kông Eximbank nhấn mạnh rằng “Chúng tôi có rất nhiều tiền để sử dụng... Chúng tôi có đủ ngân quỹ chi trả cho các dự án lớn. Trung Quốc có 3,5 ngàn tỉ USD dự trữ ngoại tệ và chúng tôi cần sử dụng một phần để đầu tư ra nước ngoài”. Theo Viện nghiên cứu về quan hệ quốc tế thuộc Đại học Witwatersrand, Johannesburg Nam Phi, nhờ các làn sóng đầu tư vào châu Phi mà các tập đoàn doanh nghiệp Trung Quốc thu hút được 50% thị trường công cộng của các quốc gia trên lục địa Đen. Hiện tại có ít nhất 800 tập đoàn, doanh nghiệp Trung Quốc hiện diện tại châu lục này. Có từ 500.000 đến 750.000 người Trung Quốc lao động tại đây. Châu Phi bắt đầu lo ngại trước viễn cảnh bị Trung Quốc hút hết các nguồn tài nguyên⁽²⁴⁾.

Vấn đề thầu khoán công trình ngày càng được thúc đẩy. Nhiều người đặt câu hỏi, tại sao Trung Quốc chỉ thích thắng thầu hơn đầu tư trực tiếp?. Lý giải vấn đề này, ông Dương Chân - Chủ tịch Hội doanh nghiệp Trung Quốc tại Việt Nam cho rằng, “việc đầu tư trực tiếp không lợi bằng thầu khoán công trình, qua kênh này lợi nhuận của doanh nghiệp và công nhân việc làm của nhiều người lao động Trung Quốc được giải quyết”. Trung Quốc không “mặn” FDI, chỉ muốn thắng thầu⁽²⁵⁾. Điều đó được thể hiện rõ khi doanh nghiệp Trung Quốc trúng thầu ở nước ngoài, họ đồng thời mang theo gói thầu máy móc,

hiết bị cho dự án và nhân công. Phần xuất chấu thiết bị và sức lao động đã chia sẻ những lợi ích về giá thầu cho các dự án. Do vậy, các nhà thầu Trung Quốc thường trúng thầu với giá rẻ hơn nhiều lần so với các nhà thầu của nhiều quốc gia khác.

Nổi bật trong thầu khoán công trình là Tổng công ty xây dựng quốc gia Trung Quốc (CSCEC), là một trong các doanh nghiệp xây dựng và nhà thầu quốc tế lớn nhất tại Trung Quốc. Năm 2012 tạp chí Thương mại quốc tế Engineering News-Record (ENR) đã xếp tổng công ty này vào hạng 16 trong số các nhà thầu quốc tế lớn nhất thế giới, xếp hạng 10 trong số những công ty lớn nhất Trung Quốc về doanh thu, thứ 12 về tổng tài sản. Kể từ khi thành lập (năm 1982) đến tháng 6 năm 2012, tổng giá trị hợp đồng của CSCEC ước tính khoảng 502,6 tỷ NDT (28% ở nước ngoài), tổng doanh thu 434,7 tỷ NDT (30% ở nước ngoài), tổng tài sản lên đến 74,1 tỷ NDT. CSCEC đã cùng với các nhà thầu khác, kể cả các nhà thầu ở nhiều địa phương Trung Quốc, tham gia thầu và là tổng thầu nhiều dự án lớn tại châu Phi, Mỹ, châu Âu và châu Á. Cho tới nay vẫn đề lo lắng với nhà thầu Trung Quốc không còn là câu chuyện cá biệt của một nước nào đó, mà là vấn đề mang tính toàn cầu. Các nước ASEAN là thị trường chủ yếu cho thầu khoán công trình của Trung Quốc. Năm 2005, tổng giá trị thầu khoán đạt 35 tỉ USD, đến năm 2012, doanh nghiệp Trung Quốc đã ký kết hợp đồng dự án trị giá 134,9 tỉ USD⁽²⁶⁾. Hiện nay, Đông Nam Á trở thành địa chỉ lựa chọn hàng đầu

của các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc⁽²⁷⁾.

Tại Việt Nam có đến 90% dự án tổng thầu EPC do nhà thầu Trung Quốc đảm nhiệm, trong đó chủ yếu là dầu khí, hóa chất, điện, cơ sở hạ tầng, dệt kim. Trong số này hiện có tới 30 dự án trọng điểm quốc gia, trong đó có nhiều dự án tỷ USD của ngành điện do doanh nghiệp Trung Quốc thực hiện. Do bỏ thầu siêu rẻ để trúng thầu (tiêu biểu như dự án đường sắt trên cao Cát Linh - Hà Đông, dự án bôxít Tây Nguyên), sau đó kéo dài thời gian, đội vốn, không hoàn thành công việc, nhà thầu Trung Quốc - cụ thể là CSCEC, đã từng bị Ngân hàng thế giới đưa vào danh sách "đen" của các nhà thầu quốc tế. CSCEC đã gây ra các sự cố nghiêm trọng thiệt hại hàng trăm triệu USD vay từ vốn ODA. Đơn cử là dự án nạo vét và nâng cấp kênh Nhiều Lộc-Thị Nghè, sập dầm giáo gây chết người tại Hà Nội, sập sàn bê tông trung tâm thương mại Phú Mỹ Hưng, các công trình đường sá xuống cấp trong thời gian ngắn sau khi thi công, các gói thầu đường dang dở ở miền Tây.v.v.

Tại Philippines, CSCEC và ba công ty khác của Trung Quốc đã thông đồng đấu thầu trong dự án cải tiến đường bộ quốc gia trị giá 33 triệu USD, bị Ngân hàng thế giới phát hiện đưa vào danh sách "đen".

Tại Campuchia và Lào, các công ty Trung Quốc hoạt động thầu khoán công trình trên nhiều lĩnh vực khác nhau, nhưng tập trung chủ yếu là thủy điện, khai khoáng, xi măng, xây dựng cơ sở hạ tầng...do nguồn vốn viện trợ của Trung Quốc. Ông Son Chhay, một quan chức

cao cấp của đảng CNRP Campuchia nói “Trung Quốc không đóng góp vào các thành tựu kinh tế của chúng tôi. Họ chỉ nhằm khai thác nguồn tài nguyên của chúng tôi, họ chặt hết rừng của chúng tôi, họ lừa dối chúng tôi trong tất cả các khoản cho vay. Họ sẵn sàng cho vay để xây dựng đường sá cầu cống, nhưng những dự án này phải vào tay của các công ty Trung Quốc”⁽²⁸⁾. Trung Quốc không tiết tiền viện trợ kinh tế cho Lào, coi viện trợ kinh tế là bước đột phá để tăng cường mũi nhọn đầu tư, nhưng về thực chất gần như là cung cấp vốn cho các nhà thầu Trung Quốc sang Lào thực hiện dự án. Có thể nhận thấy, với Campuchia và Lào thật khó để tách rời đầu tư khỏi viện trợ, bởi hình thức viện trợ nằm trong các khoản vay ưu đãi thường do chính các nhà thầu Trung Quốc đảm nhiệm. Các công ty này sẽ đưa nhân công và nguyên vật liệu sang để thực hiện các dự án viện trợ phát triển. Khi viện trợ và đầu tư của Trung Quốc xuất hiện, nó kéo theo sự hiện diện và tầm ảnh hưởng lớn chưa từng có của Trung Quốc.

Tại châu Phi CSCEC đã trúng thầu nhiều dự án về giao thông, xây dựng cảng biển, xây dựng nhà ở. Riêng Lybia Trung Quốc đã thắng thầu nhiều dự án xây dựng nhà ở giá trị 17,6 tỷ NDT (tương đương 2,66 tỷ USD); dự án về trùng tu công trình, Dinh Tổng thống giá trị hàng triệu USD, các dự án này đang bị đe dọa do bối cảnh bất ổn của quốc gia này khiến các doanh nghiệp Trung Quốc phải sơ tán lao động về nước. Gần đây nhất (tháng 5 - 2014) Trung

Quốc đã thắng thầu xây dựng tuyến đường sắt trị giá 3,8 tỷ USD nối cảng Mombasa của Kenya ở Ấn Độ Dương với thủ đô Nairobi (Kenya). Đây là đoạn đường sắt đầu tiên kết nối Kenya với các nước Uganda, Rwanda, Burundi và Nam Sudan, dự kiến tháng 10 - 2014 khởi công và hoàn thành sau 3 năm rưỡi.

Tại châu Âu, Trung Quốc đã ký các hợp đồng xây dựng cầu đường với Serbia, thắng thầu một dự án trị giá 345 triệu USD cải tạo và nâng cấp một nhà máy điện đốt than của Serbia, thắng thầu mạng lưới điện thoại di động mới tại Hungari, thắng thầu dự án xây dựng tuyến đường cao tốc mới tại Ba Lan với giá thấp hơn 44% nhưng đã bị sa thải vì không thể trả lương nổi cho công nhân.

Tại Mỹ, Trung Quốc đã thắng thầu nhiều dự án: dự án xây dựng 7 trường học, dự án xây dựng nhà chung cư tại Washington.DC và New York, dự án xây dựng sông bạc 4.000 phòng tại thành phố Atlantic, dự án nhằm cải tạo hệ thống tàu điện ngầm New York và nhiều dự án lớn khác.

Năm 2013, đầu thầu công trình ở nước ngoài của Trung Quốc đạt doanh thu 137,14 tỷ USD. Giá trị lũy kế tính tới năm 2013, các công trình đầu thầu đạt 1.169,8 tỷ USD, hoàn thành doanh thu 792,7 tỷ USD⁽²⁹⁾ thầu Trung Quốc hiện có mặt khắp nơi, và khắp nơi cũng đã cảnh báo về làn sóng lần át của nhà thầu Trung Quốc với các dự án trọng điểm. Giải pháp được nhiều nước đặt ra là phải minh bạch hóa quy trình đầu tư; phải xiết chặt các quy định về chất lượng công trình; phải mở cửa

ho nhiều nhà thầu khác tham gia; phải sử dụng một lực lượng lao động địa phương nhất định; phải đưa tỷ lệ nội địa hóa thiết bị vật tư vào công trình theo quy định.v.v.

Gần đây, Trung Quốc đưa ra chiến lược “một vành đai, một con đường”. Đây là kế hoạch của Trung Quốc với nhiều mục tiêu. Thông qua thực hiện chiến lược này nhiều doanh nghiệp và nguồn vốn Trung Quốc sẽ “đi ra ngoài”. Chiến lược này sẽ tạo cơ hội liên kết kinh tế thương mại, song cũng tạo ra những thách thức, đặc biệt về mặt an ninh.

3. Nhận xét đánh giá

Thứ nhất, cùng với tiến trình chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế, chiến lược “đi ra ngoài”, được Đảng và Nhà nước Trung Quốc quan tâm điều chỉnh trên tinh thần khuyến khích, mở rộng và được xem là một trong những khâu quan trọng giúp Trung Quốc khảo nghiệm năng lực học hỏi, năng lực ứng phó, năng lực cạnh tranh, khả năng đưa ra quyết sách, khả năng sáng tạo. Và do đó, “đi ra ngoài” trở thành nội dung thiết yếu không những giúp Trung Quốc nhanh chóng hòa mình vào biển lớn của thị trường thế giới, mà còn là mục tiêu của chính phủ trong chiến lược phát triển quốc gia.

Thứ hai, đẩy mạnh chiến lược “đi ra ngoài” tạo điều kiện cho Trung Quốc mở rộng thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm, thu lợi nhuận siêu ngạch ở bên ngoài, trong điều kiện thị trường Trung Quốc ngày càng tỏ ra bão hòa với một số sản phẩm. Đồng thời đầu tư ra ngoài đã giúp Trung

Quốc giải quyết được vấn đề tài nguyên, đáp ứng được nhu cầu thiếu hụt tài nguyên có hữu từ trước đến nay - đặc biệt là vấn đề năng lượng, phục vụ cho nền kinh tế phát triển “quá nóng” của Trung Quốc.

Thứ ba, chiến lược đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc đã góp phần tích cực trong quá trình điều chỉnh cơ cấu kinh tế. Với sự giúp đỡ về tài chính của Nhà nước và chính sách ưu đãi về thuế, Chính phủ Trung Quốc đã khuyến khích được các doanh nghiệp có lợi thế so sánh đầu tư ra nước ngoài, triển khai mạo hiểm gia công, khai thác tài nguyên, phát triển nhận thầu công trình quốc tế, mở rộng xuất khẩu lao động. Và vì thế, nó đã giúp Trung Quốc đẩy được những ngành sản xuất đã bão hòa; những ngành công nghệ thấp, lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường, sử dụng nhiều lao động ra nước ngoài đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển dịch ngành nghề, “tái cấu trúc” nền kinh tế, chuyển trọng điểm phát triển sang chất lượng và hiệu quả, thúc đẩy phát triển xanh, phát triển tuần hoàn, phát triển ít các-bon.

Thứ tư, thúc đẩy chiến lược “đi ra ngoài”, đầu tư ra nước ngoài, còn là yếu tố tạo năng lực cho Trung Quốc đẩy mạnh quan hệ đối ngoại, quan hệ chính trị và quan hệ kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế. Thông qua đầu tư ra nước ngoài, tính đến năm 2010 Trung Quốc đã ký kết được hiệp định đầu tư song phương với 129 quốc gia và khu vực; có quan hệ thương mại với 230 quốc gia và khu vực;

đã cùng với 163 nước và khu vực xây dựng cơ chế hợp tác kinh tế thương mại song phương. Đến nay, Trung Quốc đang xây dựng 14 khu mậu dịch tự do với 27 quốc gia và khu vực trên thế giới.

Có thể nhận thấy đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc thời gian qua đã có những bước tăng trưởng vượt bậc, trở thành nhà đầu tư quốc tế lớn trên thế giới và đang có nhiều triển vọng. Tuy nhiên sự tăng mạnh của dòng đầu tư Trung Quốc cũng đã khiến thế giới phải lo ngại và trên thực tế bản thân Trung Quốc cũng đang đứng trước một số khó khăn. *Một là*, kinh tế thế giới phục hồi chậm, nhiều nhân tố bất ổn định gia tăng, môi trường an ninh thế giới đang xuất hiện nhiều biến động mới, do đó nhu cầu đầu tư bên ngoài giảm và điều đó tác động lớn đến tăng trưởng đầu tư ra ngoài của Trung Quốc. *Hai là*, kinh tế Trung Quốc còn nhiều khó khăn sau khủng hoảng. Tái cấu trúc nền kinh tế và chuyển đổi phương thức phát triển được triển khai, nhưng kết quả thế nào đang là bài toán nan giải. *Ba là*, chiến lược “đi ra ngoài” do nhà nước phát động và là chủ thể, sự tham gia của các doanh nghiệp còn hạn chế, đặc biệt là doanh nghiệp tư doanh. *Bốn là*, Trung Quốc luôn đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên trên hết, đầu tư ra nước ngoài chủ yếu là tìm kiếm lợi nhuận, tranh thủ xuất khẩu thiết bị dư thừa và lao động, trong vấn đề viện trợ cho các nước nghèo thường kèm theo sự áp đặt về chính trị, thiếu tinh vô tư, do vậy

càng ngày càng làm suy giảm lòng tin của các nước đối với Trung Quốc. *Năm là*, công nghệ của Trung Quốc so với các nước phát triển còn quá chênh lệch, đa phần các dự án đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc không nằm ngoài mục đích là di chuyển công nghệ lạc hậu sang các nước nhận đầu tư, do vậy càng ngày các nước càng không mặn mà với đầu tư của Trung Quốc.

CHÚ THÍCH:

- (1) http://news.xinhuanet.com/ziliao/2003-01/20/content_697755.htm
- (2) Báo cáo chính trị Đại hội 14 ĐCS Trung Quốc
- (3) Chương yếu quy hoạch 5 năm lần thứ 4 (http://www.ce.cn/ztpd/xwzt/guonci/2003/sjlsanzh/szqhbjt/20031009_1763196.shtml)
- (5) “Thu hút vào” và “đi ra ngoài” của Trung Quốc. Dẫn theo Nguyễn Kim Bảo (sách đã dẫn).
- (6) Báo cáo chính trị Đại hội 17 ĐCS Trung Quốc.
- (7) Quy hoạch FDI và ODI 5 năm lần thứ 12 (http://www.sdpc.gov.cn/fzgggz/wzly/zcfc/wzxtz/201207/20120724_493166.html)
- (8) Công báo thống kê đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Trung Quốc năm 2007.
- (9) Công báo thống kê đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc năm 2011, NXB Thống kê TQ, năm 2012
- (10) Quy hoạch thu hút FDI và ODI 5 năm lần thứ 12
- (11) Yang Shuo, luận văn thạc sĩ, Đại học Jilin, năm 2007, trang 17.
- (12) Theo Nguyễn Kim Bảo: “*Sự trở dậy của kinh tế Trung Quốc...*” (sách đã dẫn), Tr.258
- (13) <http://www.dajunzk.com/qiyehaiwai.pdf>

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (14) http://www.tusiad.org/_rsc/shared/file/naBusinessInsight-February-2013.pdf
- (15) http://intl.ce.cn/specials/zxgjzh/201401/24/140124_2195956.shtml
- (16) Nguyễn Việt Khôi: *Đầu tư ra nước ngoài ng qua hoạt động mua bán và sáp nhập doanh nghiệp trong ngành dầu khí Trung Quốc*, Tạp chí hiện cứu Trung Quốc, số 2-2014.
- (17) Nguyễn Việt Khôi: *Đầu tư ra nước ngoài ng qua hoạt động mua bán và sáp nhập doanh nghiệp trong ngành dầu khí Trung Quốc*, Tạp chí hiện cứu Trung Quốc, số 2-2014.
- (18) Nguyễn Việt Khôi: *Đầu tư ra nước ngoài ng qua hoạt động mua bán và sáp nhập doanh nghiệp trong ngành dầu khí Trung Quốc*, Tạp chí hiện cứu Trung Quốc, số 2-2014.
- (19) Công báo thống kê đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc năm 2011, NXB Thống kê Trung Quốc, n 2012.
- (20) Công báo thống kê đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc năm 2011, NXB Thống kê Trung Quốc, n 2012.
- (21) Dantri.com.vn>kinhdoanh/“Đầu tư ở ạt u Trung Quốc...”
- (22) http://www.ccpit.org/Contents/Channel_30/2014/0619/394023/content_394023.htm
- (23) TTXVN/vietnamnet 12-5-2014.
- (24) <http://www.viet.rfi.fr/quoc-te/20140128>.
- (25) Vietnamnet/2010-07-30.
- (26) Hoài Nam-Lan Anh: *Quan hệ ASEAN- Trung Quốc trong bối cảnh Trung Quốc trở dậy*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 10-2013.
- (27) <http://www.21315.net/zhuanti/yimin/jiect/project9.html>
- (28) Xin xem thêm bài “Senior opposition ure accuses China of exploiting and cheating mbodians” đăng trên website: <http://www.thecambodiaherald.com/cambodia/detail?page=11&token=MTBhZjZzJjIjMGMU>
- (29) http://fec.mofcom.gov.cn/article/xwdt/gn/401/1796580_1.html
1. Báo cáo chính trị Đại hội XIV, XV, XVI, XVII, XVIII ĐCS Trung Quốc
2. Cương yếu quy hoạch 5 năm lần thứ 10, 11, 12 của Trung Quốc
3. Công báo thống kê đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Trung Quốc năm 2007, 2011. NXB Thống kê Trung Quốc
4. Viện Nghiên cứu Trung Quốc. *Cộng hòa nhân dân Trung Hoa 60 năm xây dựng và phát triển*. NXB Chính trị Quốc gia. H.2010
5. Đỗ Tiến Sâm: *Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa - nhìn lại 60 năm xây dựng và phát triển*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 10-2009.tr 4-5.
6. Nguyễn Kim Bào (Chủ biên): *Sự trở dậy về kinh tế của Trung Quốc và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam*, NXB Từ điển Bách khoa. H. 2013
7. Đỗ Tiến Sâm (Chủ biên): *Chính trị Trung Quốc trong quá trình trở dậy và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam*, NXB Từ điển Bách khoa. H. 2013.
8. Nguyễn Đình Liêm (Chủ biên): *Quan hệ Việt - Trung trước sự trở dậy của Trung Quốc*, NXB Từ điển Bách khoa. H. 2013
9. Nguyễn Việt Khôi: *Đầu tư ra nước ngoài thông qua hoạt động mua bán và sáp nhập doanh nghiệp trong ngành dầu khí Trung Quốc*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 2-2014.
10. Hoài Nam - Lan Anh: *Quan hệ ASEAN- Trung Quốc trong bối cảnh Trung Quốc trở dậy*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 10-2013.
11. TTXVN. Tài liệu tham khảo đặc biệt năm 2013, 2014
12. Các trang web: vietnamnet.vn; dantri.com.vn; thanhnien; tienphong; fdi.gov.cn; fia.mpi.gov.vn; mof.gov.cn; laocai.gov.vn; langson.gov.vn; hapi.gov.vn; baomoi.com; xinhuanet.com; nhipcaudautu.vn; business.sohu; ce.cn/ztpd/xwzj/guonei;sdpc.gov.cn;dajunzk.com/qi yehaiwai.pdf.v...